

NGHI THỨC TANG MA CỦA NGƯỜI CÔNG GIÁO TRÀ CỎ, THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH¹

TS. Lê Đức Hạnh
Viện Dân tộc học
Email: duchanh05@gmail.com

Tóm tắt: Mỗi cộng đồng tộc người, cộng đồng tôn giáo có quan niệm khác biệt về sự sống, cái chết và các nghi thức tang ma luôn có ý nghĩa, vị trí quan trọng trong các nghi lễ của chu kỳ vòng đời. Bài viết trình bày nghi lễ tang ma mang đậm yếu tố tôn giáo, gắn với các nghi thức phụng vụ được quy định bởi giáo luật Công giáo qua trường hợp cụ thể tại xứ đạo Trà Cỏ, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Nghi lễ tang ma của người Công giáo không quá đau buồn, khóc than như ở người không Công giáo. Thay vào đó là các lời kinh cầu nguyện, mong cho linh hồn người quá cố sớm được hưởng dung nhan Chúa. Lễ tang ma của người Công giáo được thực hiện với các nghi thức an táng và thánh lễ an táng, có sự tham gia của cộng đoàn Công giáo khi canh thức, cầu nguyện trong và sau đám tang.

Từ khóa: Công giáo, tang ma, giáo xứ Trà Cỏ.

Abstract: Each ethnic and religious community has a different concept of life and death, and funeral rituals always hold meaning and an essential position in the life cycle. This article presents funeral rituals with strong religious elements associated with liturgical rites prescribed by Catholic canon law through a specific case in Tra Co parish, Mong Cai city, Quang Ninh province. The funeral rites of Catholics are not as somber and wailing as those of non-Catholics. Instead, there are prayers, hoping that the soul of the deceased will soon see the face of God. Catholic funerals are performed with funeral rites and a funeral mass, with the participation of the Catholic community during vigils and prayers both during and after the funeral.

Keywords: Catholicism, funeral, Tra Co parish.

Ngày nhận bài: 7/5/2024; ngày gửi phản biện: 12/5/2024; ngày duyệt đăng: 24/6/2024.

Mở đầu

Chu kỳ vòng đời của mỗi người bắt đầu từ việc sinh ra và kết thúc bằng cái chết. Do quan niệm của mỗi cộng đồng tộc người, cộng đồng tôn giáo, cái chết được hiểu theo những cách khác nhau. Chết có thể là hết hoặc chuyển giao sang trạng thái khác của “sự sống” ở một

¹ Bài viết là kết quả của Đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2024: “Nghiên cứu về xứ đạo Trà Cỏ ở thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh”, do TS. Lê Đức Hạnh làm Chủ nhiệm, Viện Dân tộc học quản lý.

thế giới khác. Việc chuẩn bị nghi thức cho “sự chết” luôn được người thân coi trọng, bởi nó có ý nghĩa đối với mỗi gia đình, tộc người hay nhóm tôn giáo. Vì thế, tang ma luôn được xem là một trong những nghi thức quan trọng để người sống bày tỏ tình cảm, kính trọng, trả nghĩa đối với người đã mất, đó cũng là lúc người thân trong gia đình, bạn bè tưởng nhớ về những việc mà người chết đã làm khi còn sống, thông qua việc tiễn đưa người qua đời về một thế giới khác với thế giới của người sống. Đây là công việc bắt buộc và là trách nhiệm, bổn phận của người sống đối với người chết. Song, tùy theo từng nhóm tộc người, nhóm tôn giáo, tập quán mỗi địa phương và sự thay đổi kinh tế, xã hội mà nghi thức tang ma có sự khác biệt.

Nghi lễ tang ma của người Việt Công giáo có những đặc điểm khác với người Việt không Công giáo. Tuy nhiên, nghiên cứu vấn đề này còn ít được quan tâm. Đến nay, mới có một khóa luận tốt nghiệp đại học đề cập đến nghi lễ hỏa táng ở xứ đạo Thái Hà – một xứ đạo ở Thủ đô Hà Nội (Nguyễn Thị Trang, 2019). Một số tác giả như Nguyễn Hồng Dương (2001), Lê Đức Hạnh (2012), Lê Thị Cúc (2013) có đề cập tới vấn đề tang ma của người Công giáo dưới góc độ thờ cúng tổ tiên, nhưng chưa đi sâu vào quan niệm sự chết và các nghi lễ. Với mục đích trình bày quá trình thực hiện các nghi thức tang của người Việt Công giáo, làm rõ những khác biệt trong nghi lễ tang ma của người Việt Công giáo và không Công giáo, nghiên cứu này được thực hiện tại giáo xứ Trà Cổ thuộc thành phố Móng Cái tỉnh Quảng Ninh, thông qua nghiên cứu đám tang của cụ bà Maria T., mất ngày 23/12/2023, hưởng thọ 87 tuổi, an táng tại nghĩa trang giáo xứ Trà Cổ, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

1. Lịch sử hình thành và phát triển của xứ đạo Trà Cổ

Xứ đạo Trà Cổ hiện nay nằm trên địa giới hành chính của phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Xứ đạo này thuộc giáo hạt Hòn Gai, giáo phận Hải Phòng. Giáo xứ Trà Cổ hiện nay có 1.814 giáo dân, do linh mục Ngô Văn Vàng quản xứ từ năm 2009.

Xứ đạo Trà Cổ được hình thành bởi những người di cư từ Đồ Sơn vào Quảng Ninh khoảng nửa sau thế kỷ XIX, trong số đó có vài hộ gia đình theo Công giáo. Những ngày đầu di cư đến Quảng Ninh, các hộ gia đình Công giáo sinh sống trên các ghe thuyền bằng nghề chài lưới, họ tạo thành những xóm đạo nhỏ. Trong những năm đầu sinh sống, các tín hữu này chủ yếu giữ đạo nội tâm, rất hiếm khi có sinh hoạt tập trung. Khoảng những năm 60 thế kỷ XIX, do địa hình xa xôi, phương tiện đi lại khó khăn cùng với số lượng linh mục chưa nhiều nên việc sinh hoạt tôn giáo còn khá mờ nhạt. Việc tổ chức sinh hoạt tập trung còn nhiều hạn chế với tần suất khoảng 3 - 4 năm mới có một linh mục đến thăm viếng và thực hiện các phép bí tích.

Năm 1861 ở miền duyên hải bắc phần có sự kiện Tạ Văn Phụng mạo xưng là Lê Duy Minh, dòng dõi nhà Lê tự xưng là minh chủ nổi lên ở Quảng Ninh đánh chiếm phủ Hải Ninh. Đến tháng 3/1862 có Nguyễn Văn Thịnh, còn gọi là Cai Tổng Vàng nhập đảng với Tạ Văn Phụng chống lại triều đình nhà Nguyễn, vây đánh thành Bắc Ninh (Nguyễn Phan Quang, 1976, tr. 84). Nhiều gia đình Công giáo vì muốn lánh nạn chạy giặc đã tìm đường ra đảo Trà

Cổ và giáo xứ Trà Cổ dần dần hình thành. Từ khi triều đình nhà Nguyễn bắt đầu thực hiện chính sách cấm đạo, các giáo dân Công giáo bị truy bắt, buộc những người Công giáo đầu tiên ở Trà Cổ phải di cư sang làng Trúc Sơn (thuộc thành phố Đông Hưng, Trung Quốc)².

Năm 1857 linh mục Cấp - một linh mục Công giáo thuộc giáo phận Hải Phòng đã quan tâm tới các tín đồ Công giáo sinh sống ở Đông Hưng (Trung Quốc), quyết định đưa giáo dân từ Trúc Sơn về làng Trà Cổ, thành lập giáo xứ tại đó. Đây là mốc lịch sử hình thành xứ đạo Trà Cổ. Ban đầu, các giáo dân tụ họp đạo tại khu Đòng Nhân (Đông Thịnh) trong nhà thờ dựng bằng tre, nứa, lợp lá. Sau đó, do số tín đồ gia tăng, nhu cầu sinh hoạt tôn giáo ngày càng cao, để lấy nơi quy tụ và sinh hoạt cho giáo dân, linh mục coi sóc xứ đạo Trà Cổ đã cho xây dựng nhà thờ. Qua đó, lịch sử giáo xứ Trà Cổ gắn liền với sự hình thành, biến đổi của nhà thờ Trà Cổ.

Như đã đề cập, nhà thờ Trà Cổ đầu tiên được làm bằng tre gỗ, tọa lạc tại khu Đòng Nhân, tức Đông Thịnh ngày nay. Song, do chính sách cấm đạo ngặt nghèo của vua Tự Đức, giáo dân đã phải tháo dỡ nhà thờ và cất giấu dưới nước. Đến khi chính sách cấm đạo có phần lỏng lẻo thì nhà thờ được cất lại tại xóm Tràng Lộ (còn gọi là Gót) với quy mô 7 gian, vật liệu chủ yếu vẫn là gỗ. Đến năm 1880, do nhiều yếu tố tác động, nhà thờ đã bị hư hại đột nát, nhưng số giáo dân trong xứ Trà Cổ đã không ngừng tăng lên, do vậy việc xây dựng nhà thờ lớn hơn là nhu cầu cấp thiết đối với giáo xứ. Vì thế, linh mục Cấp lại tổ chức kêu gọi giáo dân đóng góp để xây cất nhà thờ mới. Nhà thờ được xây bằng gạch đất xung quanh, cột bằng gỗ rừng, cung thánh nơi thờ phụng Thiên Chúa là không gian trang nghiêm tôn kính được trang trí các họa tiết hoa lá. Sau khi nhà thờ chính xây dựng xong thì được giao cho họ đạo Xuân Ninh coi giữ cho đến năm 1954.

Năm 1910, linh mục Tràng Nghiêm (Paro CP - Congregation of the Passion) (Passionists) thuộc dòng Đa Minh được cử đến coi xứ Trà Cổ đã xúc tiến việc xây dựng nhà thờ mới khang trang theo lối kiến trúc của phương Tây. Theo như lời kể lại của các vị cao niên, giáo dân trong xứ Trà Cổ đã đi nhặt vỏ sò, vỏ hén mang về đập nhuyễn ra trộn với đá vôi để xây đắp tường nhà thờ. Đó là một trong những vật liệu truyền thống, được sử dụng phổ biến trong xây dựng những công trình kiên cố của cư dân ở các vùng ven biển miền Bắc. Sau khi nhà thờ chính được hoàn tất, linh mục Tràng Nghiêm cho làm một tòa chầu có bốn cột sơn son thếp vàng với sự công đức của cụ trùm Bá Sinh (tức Nguyễn Khắc Kiêu). Năm 1916, linh mục Gracia Tràng Thiện thay linh mục Tràng Nghiêm coi sóc xứ Trà Cổ, đã khởi công xây cất tháp chuông theo kiến trúc Gô-tích. Năm 1927, linh mục Đạt về nhận xứ đã vận động giáo dân góp tiền mua một quả chuông đồng về treo trên tháp chuông nhà thờ.

² Thôn Trúc Sơn thuộc thị trấn Đông Hưng, thành phố Đông Hưng (tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc) nằm ở điểm cực Tây Nam của đường bờ biển Trung Quốc đại lục, đây cũng là điểm giao giữa đất liền và biển cả của Trung Quốc, chỉ cách Móng Cái của Việt Nam một mặt biển. Trúc Sơn là một làng chài vùng biên giới Trung Quốc - Việt Nam (Cửa sổ Đông Hưng, 2022)

Đến năm 1950, linh mục Cafigal Vũ Đình Tế O.P được điều về nhận xứ Trà Cổ, đã chú trọng việc sửa chữa các đồ lễ phục vụ cho việc thờ phụng. Khoảng năm 1953, nhà thờ Thánh An Tôn ở khu thượng được linh mục khởi công xây dựng lại với sự ủng hộ về tiền bạc, công sức của giáo dân toàn xứ Trà Cổ. Theo hồi cố của nhiều giáo dân lớn tuổi hiện nay, khi nhà thờ đang xây dựng dở dang, tường đã xây xong, các cột kèo sắt đã kéo lên, chuẩn bị lợp mái thì ngày 20/7/1954, Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương được ký kết. Trong bối cảnh cộng đồng giáo dân miền Bắc ồ ạt di cư vào Nam, vì nhiều nguyên nhân khác nhau (Lê Đức Hạnh, 2012; Nguyễn Quang Hưng, 2004), linh mục chính xứ và nhiều giáo dân Trà Cổ đã bỏ xứ, ly tán di cư vào Nam. Việc xây dựng nhà thờ An Tôn bị bỏ dở³.

Đến năm 2009, linh mục chính xứ Ngô Văn Vàng được điều động về coi sóc xứ Trà Cổ. Trước nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của đông đảo giáo dân, nhà thờ cũ đã không còn đáp ứng được không gian dự thánh lễ. Bản thân nhà thờ cũng đã xuống cấp với nhiều hạng mục không còn an toàn cho người dự lễ nên linh mục Vàng đã cho xây dựng nhà thờ mới bằng bê tông cốt thép. Nhà thờ mới được xây dựng trên nền nhà thờ cũ, có quy mô lớn và nguy nga hơn với tổng kinh phí gần 70 tỷ đồng, được khánh thành vào năm 2023.

Giáo xứ Trà Cổ hiện nay có 1.814 giáo dân, sinh sống dọc theo tuyến lộ ven biển Trà Cổ, đoạn xung quanh nhà thờ khoảng 2km. Tín hữu xứ Trà Cổ hiện tại sinh sống chủ yếu bằng nghề đánh bắt hải sản, kinh doanh buôn bán nhỏ lẻ tại địa phương, một số ít tham gia buôn bán qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc (Đông Hưng).

2. Nghi thức tang ma của người Công giáo Trà Cổ

2.1. Quan niệm về cái chết của người Công giáo Trà Cổ và những quy định về tang lễ trong giáo luật Công giáo

- Quan niệm về cái chết của người Công giáo Trà Cổ

Chết là một phạm trù liên quan trực tiếp đến tất cả những sinh vật trên trái đất. Với con người, quan niệm về cái chết có khác nhau giữa các nhóm xã hội, các cộng đồng tộc người, cộng đồng tôn giáo. Người phật tử coi cái chết là một trong 4 khâu của định luật “thành, trụ, hoại, diệt”. Chết chính là khâu cuối cùng của một chu kỳ vòng luân hồi “sinh, lão, bệnh, tử” của mọi vật sống, là giai đoạn từ có trở về không. Theo Phật giáo, chết không phải là hết hay chấm dứt mọi cảnh khổ đau mà là tiếp tục cho đến khi hoàn toàn giải thoát hết các ác nghiệp. Với người theo Islam giáo, chết là chấm dứt cuộc sống ở cõi trần (Dunya) để trở về bên thánh Allah. Luân hồi trả nghiệp không chỉ là quan điểm Phật giáo mà còn là quan điểm của các tôn giáo khác trước khi Phật giáo ra đời như Ấn Độ giáo, Bàlamôn giáo. Thế nên, chết không phải là hết mà chỉ là sự thay đổi từ cảnh giới này sang cảnh giới khác.

Vậy người Công giáo quan niệm “sự chết” là gì? Người Công giáo cho rằng chết không phải là hết mà là bước vào một đời sống mới, đời sống vĩnh cửu trong Đức Kitô Phục sinh -

³ Viết theo tài liệu chép tay của cụ trùm Toàn ở Trà - Cổ I (nay là Suối Địa).

Đấng đã chết và sống lại, ban cho nhân loại sự sống vĩnh hằng, nơi con người không bao giờ phải chết nữa. Sách giáo lý Công giáo nói: “*Chết là kết thúc cuộc lữ hành trần thế, kết thúc thời gian Thiên Chúa gia ân và xót thương để mỗi người thực hiện cuộc sống theo ý định của Ngài*” (Hội đồng Giám mục Việt Nam, 2016, tr. 25).

Quan niệm về sự chết của người Công giáo liên quan đến quan niệm về hồn và xác. Kinh Thánh Công giáo thể hiện rất rõ quan điểm này về con người và linh hồn. Con người có được những “khả năng” là do “thần khí” của Thiên Chúa, “thần khí” là thực tại thần linh, biểu thị quyền năng của Thiên Chúa. Xét dưới khái niệm nhân học thì “thần khí là một quan năng để tiếp cận Thiên Chúa” (Hội đồng Giám mục Việt Nam, 2016, tr. 159). Không chỉ Công giáo, các tôn giáo khác cũng cho rằng linh hồn là phần chính cốt, phần thiêng liêng của mỗi con người, chính linh hồn hình thành nên cuộc sống, năng lực, nhân cách của mỗi người. Linh hồn ở bên ngoài phần xác thịt, tồn tại mãi ở thế giới bên kia, cả khi thân xác đã tan rã thành tro bụi. Đức tin và linh hồn có từ thời xa xưa, trong cách lý giải theo thuyết vật linh về các hiện tượng tự nhiên, như hơi thở, giấc mơ, cái chết,... Khái niệm linh hồn gắn liền với giáo lý về Chúa. Chúa ban tặng linh hồn cho con người từ khi sinh ra ở đời. Trong “Giải thoát luận” của Công giáo, linh hồn đã đánh lạc hướng tín đồ khỏi nỗi đau khổ hàng ngày, giải thoát khỏi mọi sự áp bức bằng con đường cứu độ, mong đợi lên thế giới Thiên Đàng (Nguyễn Duy Hinh, 2000, tr. 87). Kinh Tân Ước thể hiện sự đối lập giữa giữa phần xác và phần hồn, một linh hồn được gắn với sự bất tử. Với người Công giáo: “*Linh hồn thiêng liêng chẳng hề chết được. Và đến ngày tận thế, xác loài người ta sẽ sống lại mà chịu phán xét, kẻ lành lên Thiên đàng hưởng phúc đời đời, kẻ dữ sa Hỏa ngục chịu phạt vô cùng*” (Hội đồng Giám mục Việt Nam, 2016, tr. 35). Kinh Thánh cũng có đoạn viết về sự sống sau cái chết. Chết là khi linh hồn rời khỏi xác và chịu sự phán xét của Chúa về những việc mình đã làm khi còn sống, theo đó mà có thể lên Thiên Đàng, chịu phạt nơi luyện ngục hay bị sa vào hỏa ngục. Quan niệm về cái chết, sự sống, về phần hồn và phần xác là những tín điều mà mọi giáo dân Công giáo được giáo huấn tin theo.

Ở xứ đạo Trà Cổ, cư dân là người Việt theo Công giáo, do vậy họ vẫn có quan niệm của người Việt về cái chết, hồn và xác. Người Việt quan niệm rằng, con người có hồn và xác, xác thì có chết nhưng hồn lại tồn tại mãi, mà hồn mới là yếu tố cao quý của một con người. Hồn và xác liên kết nhau tạo nên sinh vật hoạt động được. Linh hồn chỉ thoát ra khỏi thể xác khi sinh vật thực sự đã chết (Đoàn Văn Thông, 1994, tr. 174). Với người Việt Công giáo ở Trà Cổ, do ảnh hưởng của giáo lý Công giáo, ảnh hưởng từ sự giáo dục của nhà thờ, nên họ quan niệm rằng chết là linh hồn lìa ra khỏi xác, đợi chờ sự phán xét của Thiên Chúa, có thể được lên thiên đàng, chờ trong luyện ngục hay bị đọa đày ở hỏa ngục; được vinh phúc hay bị kết án. Đối với người Công giáo Trà Cổ, Thiên đàng do chính Đức Chúa Trời cai quản, đó là nước Đức Chúa Trời (Kinh Thánh, 2003). Địa ngục thì không phải là nơi để hành tội kẻ ác sau khi chết, mà là nơi nghỉ có hy vọng dành cho người chết, kẻ thiện ác đến đó để chờ sự sống lại với họ. Địa ngục hiểu theo nghĩa Kinh thánh là Mộ mã (Kinh Thánh, 2003), đó là Mộ

mả chung của nhân loại. Còn luyện ngục là nơi dành cho những người chưa sạch tội, chưa được lên Thiên đàng, phải chờ ngày phán xét (Nguyễn Như Thế và cộng sự, 1992, tập 2, tr. 91-92). Linh hồn của mỗi người được ở đâu là tùy thuộc vào đời sống của họ khi ở trần gian. Người Công giáo Trà Cổ nhận thức rằng, con người có thể chinh phục được nhiều vấn đề trong cuộc sống như hạn hán, bão lụt, đói rét..., nhưng không ai có thể tránh được cái chết nên họ quan niệm “sự chết” như một định mệnh con người phải lĩnh nhận.

Với niềm tin Công giáo trong các quan niệm về hồn, xác, về sự sống đời sau, người giáo dân Trà Cổ luôn hướng đến sự sống đời sau, mọi cố gắng ở hiện tại là nhằm mang lại những điều tốt đẹp cho đời sau của mỗi người. Giáo dân Công giáo Trà Cổ cũng tin rằng, giữa những người đang sống và những người đã khuất (các Thánh và các linh hồn) vẫn có mối liên hệ qua lại. Các Thánh sẽ cùng Thiên Chúa phù hộ cho những người sống. Những người sống có thể làm việc lành phúc đức, đọc kinh cầu nguyện để tạo lập công phúc cho các linh hồn nơi luyện ngục hay hỏa ngục. Người sống tạo lập các công phúc nhằm giúp các linh hồn chuộc những tội lỗi đã phạm phải khi còn ở trần gian, có thể lên Thiên đàng, sau đó lại cùng Thiên Chúa phù hộ cho chính người sống. Mối quan hệ qua lại giữa người sống với các Thánh, các linh hồn và Thiên Chúa chính là cơ sở niềm tin của sự chuyển giao công trạng. Người sống thờ kính những người đã khuất (tổ tiên) để bày tỏ lòng biết ơn của mình vì những gì họ đã làm cho con cháu khi còn sống và cả những điều họ cùng Chúa sẽ làm cho con cháu. Kết quả điều tra của Viện Nghiên cứu Tôn giáo trên nhiều xứ đạo cho thấy, mục đích của việc thờ kính tổ tiên là để tỏ lòng biết ơn với tổ tiên chiếm 97,5% (Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2008).

- Những quy định về tang lễ trong Giáo luật Công giáo

Tùy vào từng cộng đồng tôn giáo - tộc người có quan niệm, lý giải về sự chết khác nhau, dẫn tới việc xử lý thể xác người chết ra sao. Mỗi tộc người với những tín ngưỡng do cộng đồng đó quy định mà có những cách thức/nghi lễ tang ma khác nhau. Dù có sự khác biệt nhưng lễ tang luôn là một việc quan trọng, chứa đựng nhiều nghi thức phức tạp trong đời sống xã hội loài người. Các tôn giáo, trong quan niệm của mình đều cho rằng sự sống của con người chỉ là “tạm”, là “gửi”, còn chết là bước chuyển giao về chốn vĩnh hằng, lâu dài. Quan niệm “sống gửi, thác về” được hiểu là vậy, linh hồn họ có thể ở lại với người đang sống hoặc đi lại/giao tiếp với người đang sống, cũng có thể ở lại một nơi nào đó như luyện ngục của Công giáo, hay tiếp tục sống tại thế giới tốt đẹp bên kia như Niết Bàn của Phật giáo, Thiên đàng của Công giáo,... Dù ở đâu, linh hồn của người chết - được quan niệm là trường tồn/vĩnh hằng vẫn có ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến những người đang sống.

Đối với người Công giáo, do quan niệm về hồn và xác, về sự chết như đã đề cập, nên Giáo hội Công giáo quan niệm lễ tang có vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống tâm linh và lễ tục vòng đời. Điều này được Giáo hội Công giáo đưa vào Giáo luật để các tín hữu thực hiện một cách trang trọng với mục đích tiễn đưa người quá cố xa rời cõi “tạm”. Các nghi thức cử hành lễ an táng của Công giáo được quy định chi tiết trong “Bộ Giáo Luật 1983” và được

trích dẫn qua các ấn phẩm như sách “Nghỉ thức An táng Công giáo”. Nghỉ thức an táng được Giáo luật quy định cụ thể như: Các tín hữu qua đời phải được an táng theo nghi thức Giáo hội, do luật định. Qua lễ nghi an táng, Giáo hội cầu xin ơn trợ giúp thiêng liêng cho người quá cố, tôn trọng thi hài của họ, đồng thời đem lại an ủi, hy vọng cho người còn sống. Các lễ nghi phải được cử hành đúng theo luật phụng vụ. Giáo hội thiết tha khuyên nhủ nên duy trì phong tục đạo đức chôn cất thi hài người quá cố (Giáo luật 1983, Điều 1176). Nơi cử hành lễ an táng cũng được giáo luật quy định là nhà thờ xứ của người ấy hoặc nhà thờ khác nếu được phép (Giáo luật 1983, Điều 1177). Giáo luật còn quy định lễ an táng với các chức sắc Công giáo như Giám mục giáo phận thì tổ chức tại nhà thờ chính tòa giáo phận (Giáo luật 1983, Điều 1178). Nghi thức an táng của Giáo hội Công giáo cũng quy định các bước từ lúc con người hấp hối đến khi đã chôn cất xong. Khi có người mất, trước tiên gia đình phải báo cho giáo xứ biết để sắp xếp lịch trình; phải có sự phối hợp giữa văn phòng giáo xứ, tang quyến để thực hiện các nghi thức theo quy định của Giáo hội như: Xức dầu thánh, Canh thức cầu nguyện, Thánh lễ an táng, Nghi thức Từ biệt; về nơi an táng cũng được quy định, đó là tại nghĩa trang Công giáo (Giáo luật 1983, Điều 1180).

Lễ tang được tổ chức khác nhau trong lịch sử các dân tộc, gồm các hình thức xử lý với thi hài người chết như hỏa táng, địa táng (chôn sâu có hoặc không cải táng), điều táng, thủy táng,... Trước khi thi hài được đưa ra khỏi cộng đồng, người sống thực hiện rất nhiều các nghi lễ khác nhau tùy thuộc vào mỗi cộng đồng tộc người, tôn giáo với những quy định cụ thể. Các nghi lễ như cầu nguyện, khấn cúng, làm các “phép” để tiễn đưa người chết về thế giới bên kia với mong muốn cho người chết sớm được về Thiên đường, Niết bàn,... Sau khi thi hài được chôn cất (với trường hợp địa táng, hoặc hỏa táng), người ta còn làm thủ tục trên phần mộ và nhiều nghi lễ khác để tưởng nhớ người mất.

2.2. Các nghi thức diễn ra trong tang lễ ở giáo xứ Trà Cổ

Người giáo dân Công giáo Trà Cổ thực hiện lễ tang theo đúng tinh thần quy định trong giáo lý, giáo luật của Công giáo do Tòa Thánh Vatican và Giáo hội Công giáo Việt Nam ban hành. Song, Trà Cổ là giáo xứ gồm những người Kinh theo Công giáo nên khi tổ chức tang lễ còn có sự ảnh hưởng bởi những truyền thống văn hóa, nghi thức tang lễ vùng đồng bằng Bắc Bộ. Đó cũng là sự hội nhập giữa văn hóa Công giáo với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt Nam nói chung và tang lễ của người Việt nói riêng trên tinh thần “đổi mới, canh tân, thích nghi và hội nhập” của Công đồng Vatican II về hội nhập văn hóa Công giáo đối với vấn đề văn hóa Á Châu. Các quy trình, nghi thức tang lễ được diễn ra theo trình tự như dưới đây.

- *Những nghi thức trước khi chôn cất người chết*

+ Tẩn liệm, phát tang

Nghiên cứu cho thấy, việc tẩn liệm, phát tang thể hiện được nét đặc trưng của nghi thức tang lễ vùng đồng bằng Bắc Bộ. Với người Công giáo Trà Cổ, khi tín đồ sắp qua đời, hấp hối thì người thân phải báo cho linh mục chính xứ và Ban hành giáo biết. Lúc này, linh mục được

mời đến làm lễ xúc dầu cho người hấp hối trước khi chết. Trước giờ làm phép, người quá cố được đặt trên đệm hoặc giường và để gần quan tài, dùng vải trắng có may hình thập giá để tân liệm thi hài (không dùng vải màu khác, hay chiếu cói, ni-lông để bó thi hài). Đến thời điểm thích hợp, linh mục tiến hành làm phép xác, làm phép quan (tài) trước khi thực hiện nghi thức tân liệm, nhập quan. Linh mục dâng lời cầu nguyện theo nghi lễ Công giáo: *“Giờ đây cộng đoàn chúng ta khởi dự nghi thức tân liệm. Chúng ta thành khẩn cầu nguyện cho bà Maria T. mới qua đời. Xin Chúa ban thương cho bà Maria T. sau khi kết thúc cuộc đời trần thế, được về quê trời, vui hưởng cuộc sống đời đời... Chúng ta cầu nguyện cho bà Maria T. được hưởng vinh quang Phục Sinh với Đức Ki-tô”* (Nhiều tác giả, 2015, tr. 17-18). Khi linh mục tạm dừng lời cầu nguyện, ca đoàn hát các bài hát đã được quy định trong phụng vụ.

Mở đầu nghi thức phát tang, linh mục rảy nước Thánh lên thi hài (làm phép xác) thực hiện các nghi thức phụng vụ theo quy định và dâng lời cầu nguyện: *“Lạy Cha, xin thánh hóa cho bà Maria T. chúng con đây, kể trong cuộc sống trần gian đã tin cậy vào Cha, đã phó thác cuộc đời cho Cha, đã tin cậy vào lời hứa cứu độ của Cha. Xin cho bà Maria T. chúng con đây được sống lại như Con Cha. Người hằng sống và hiển trị muôn đời. Amen”* (Đan Vinh, 2009, tr. 221). Sau khi đọc lời nguyện, linh mục làm phép quan và làm lễ nhập quan, để kết thúc nghi thức tân liệm linh mục dâng lời cầu nguyện (Nhiều tác giả, 2015, tr. 17). Sau đó, những người có nhiệm vụ tân liệm đưa thi hài vào quan tài, đóng nắp quan, họ phủ lên quan tài một tấm vải trắng có hình thập giá, rồi đặt lên đó hoa và nến.

Sau khi làm phép quan và thực hiện nghi thức nhập quan cho người quá cố, linh mục làm phép khăn tang/đò tang. Khăn tang tượng trưng cho nỗi buồn mất mát một người thân, đồng thời biểu lộ niềm hy vọng Chúa sẽ đón nhận linh hồn được phán xét. Màu trắng của khăn và áo tang còn có ý nghĩa nhắc nhở người Công giáo về trang phục của họ mặc trong ngày chịu “Phép Rửa tội” để luôn có ý thức về trách nhiệm của người Công giáo với Thiên Chúa, với cộng đoàn và người thân, người vừa rời cõi tạm. *“...Xin Chúa cho những người trong thân bằng quyến thuộc mặc tang phục này, biết hiệp thông với nhau để đền ơn đáp nghĩa người đã ra đi và để tha thứ, yêu thương, gắn bó, đùm bọc nhau giữa những người còn ở lại, như Chúa đã tha thứ cho chúng con. Chúng con cầu xin Chúa Amen”* (Nhiều tác giả, 2015, tr. 10-11).

Sau khi linh mục thực hiện xong nghi thức làm phép xác, phép quan và phép khăn tang, vị trưởng tộc/họ lên phát tang phục cho những người thân quyến. Thời gian đó, cộng đoàn hát một trong những bài hát thích hợp với tang lễ. Lúc này, gia đình chuẩn bị bàn thờ cho người quá cố để cộng đoàn và người thân đến viếng. Bàn thờ của người Công giáo trong ngày an táng được trang trí đơn giản, trên bàn đặt tượng Chúa Giê-su chịu nạn trên Thánh giá, 2 bình hoa cúc vàng, 2 bát nến. Phía sau bàn thờ và quan tài treo một tấm vải ở giữa phía trên ghi: *“Chính lúc chết đi là khi vui sống muôn đời”*, chính giữa là ảnh Chúa Giê-su, bên dưới ghi: *“Xin Chúa đón nhận linh hồn Maria về nước Chúa hằng sống”*. Dọc hai bên là các câu kinh

thánh, bên trái ghi: “*Sống cố gắng công trồng cây phúc*”, bên phải ghi: “*Thác về an lạc hưởng quả vinh*”.

Kết thúc các nghi thức trên, linh mục cùng người giúp việc rời nhà đám. Lúc này, tại gia đình tang quyến bắt đầu lễ viếng. Lễ viếng được tổ chức trọn trong ngày và buổi tối. Tang quyến cũng trao đổi với các hội đoàn về việc Canh thức cho người quá cố vào buổi tối trước ngày đưa đi an táng. Sáng ngày hôm sau, thi hài được đưa đến nhà thờ để làm Thánh lễ an táng trước khi đưa ra nghĩa địa. Đoàn rước thi hài theo thứ tự gồm có: Trống cái, Thánh giá nền cao, đội kèn đồng, hoa tang, di ảnh người quá cố, xe tang, người thân và cộng đoàn đưa tiễn.

+ Thánh lễ an táng

Với người Việt không theo Công giáo, sau khi nhập quan, phúng viếng, thi hài được đưa đi hỏa táng hoặc địa táng. Nhưng đối với người Công giáo còn có thêm Thánh lễ an táng. Theo đó, Thánh lễ an táng là cử hành với các bản văn phụng vụ về lễ cầu hồn; nghi lễ an táng là cử hành các nghi thức Công giáo trước khi đem chôn thi hài người quá cố. Trong nghi lễ an táng bao gồm các bước: xức dầu thánh, làm phép xác, phép quan, tần liệm, phép khăn (tang), canh thức, cầu nguyện và mai táng nơi phần mộ trong nghĩa trang của xứ đạo. Thông thường, cử hành các nghi lễ an táng là các linh mục hay phó tế, nhưng khi những người này vắng mặt thì một giáo dân được ủy nhiệm cũng có thể chủ sự các nghi lễ này với một vài thích nghi cho phù hợp với vai trò của họ. Tại giáo xứ Trà Cổ, cử hành các nghi lễ an táng và cả Thánh lễ an táng do linh mục chính xứ Ngô Văn Vàng đảm nhiệm. Giáo hội Công giáo quy định, vào những ngày luật phụng vụ không cho phép cử hành Thánh lễ an táng, thì chỉ được phép thực hiện nghi lễ an táng. Giáo hội cũng quy định chỉ được cử hành nghi lễ tiễn biệt người chết khi có thi hài người đó, tức không được phép cử hành nghi lễ tiễn biệt một nơi, xác một nơi. Thánh lễ an táng bị cấm vào các lễ trọng bắt buộc như các Chúa nhật mùa vọng, các Tam nhật vượt qua, mùa chay, mùa Phục sinh. Nếu cử hành an táng vào các ngày này, trong thánh lễ buộc phải dùng bản văn phụng vụ và các bài đọc Kinh thánh của ngày lễ đó. Trong Thánh lễ an táng của người Công giáo nghi lễ chủ yếu là đọc kinh cầu cho linh hồn người quá cố.

+ Nghi thức cầu nguyện, phó dâng và từ biệt

Sau khi đoàn đưa táng đã an vị trong nhà thờ và mở đầu thánh lễ, linh mục xuống đứng trước quan tài làm lễ cầu nguyện, cử hành nghi thức phó dâng và từ biệt. Nghi thức này được cử hành vô cùng trang trọng, linh thiêng. Trong thánh lễ dâng lời nguyện, linh mục rảy nước thánh, xông hương và tiếp tục lời nguyện: “*Lạy Cha rất nhân từ, chúng con xin phóng linh hồn Maria T. trong tay Cha. Xin cho chúng con được hy vọng chắc chắn linh hồn Maria T. sẽ được sống lại cùng Chúa Ki tô*” (Nhiều tác giả, 2015, tr. 148). Theo tín lý Công giáo, khi chết hồn lìa khỏi xác và quy định việc chôn cất người qua đời gọi là đưa xác. Bí tích xức dầu thánh được gọi là phép xác. Tín lý này khác với quan niệm về cái chết của người Việt không Công giáo. Đưa người chết ra nghĩa địa, người Việt không theo Công giáo gọi là đưa ma, ngoài đưa xác, còn đưa linh hồn cùng đi, sau lễ an táng mới đưa linh hồn trở lại nhà thân chủ để thờ cúng.

Sau khi linh mục dâng lời nguyện, làm phép xông hương trên quan tài người quá cố, đến lượt người thân và cộng đoàn dâng hương trước quan tài. Gia chủ lúc đó chuẩn bị cho mỗi người một nén nhang, họ lên thắp nhang và làm dấu thánh trước quan tài người quá cố rồi đi ra hai bên nhà thờ, trở về vị trí cũ. Khi không còn người dâng hương tiễn biệt người quá cố, gia chủ đứng lên có lời cảm ơn linh mục, cộng đoàn đã cùng chia sẻ, cầu nguyện tiễn đưa linh hồn người quá cố về với Chúa. Sau đó, ca đoàn hát một bài kết thúc, rồi di quan đến nghĩa địa. Khi di quan vẫn theo thứ tự thánh giá nên cao, trống, đội kèn đồng, hoa tang, người cầm bát hương đi trước, tiếp theo là di ảnh, quan tài, con cháu thân quyến và bà con đồng đạo đi đưa đi sau quan tài. Tiếp đến, theo thứ tự đoàn đưa đám lúc đầu đưa quan tài ra khỏi nhà thờ đến nghĩa địa. Tại nghĩa địa, linh mục làm phép mờ, dâng lời cầu nguyện rồi đội trợ táng đưa quan tài xuống mộ, lấp cát. Ca đoàn cùng hát các bài hát theo quy định trong nghi thức.

Ở giáo xứ Trà Cỏ, nghĩa trang được xây dựng khang trang, nhà thờ cho đồ bê tông một con đường chia dọc nghĩa trang, hai bên đường là các ngôi mộ, bố trí theo hướng quay ra đường. Người Công giáo nơi đây không quan niệm hướng tốt, hướng xấu. Mộ người chết được xây gạch, vì chỉ “đào sâu, chôn chặt”, không có cải táng, cũng không có tục hỏa táng.

- *Những nghi thức sau khi chôn cất người chết*

+ Nghi thức kinh nguyện sau an táng

Sau an táng, gia đình và người thân vẫn tiếp tục tưởng nhớ, cầu nguyện cho người quá cố qua thánh lễ cầu hồn, nghi thức cầu nguyện, đọc kinh trong tuần cửu nhật, ngày thứ bốn mươi. Suốt 3 ngày sau an táng, thân quyến đọc kinh cầu nguyện cho người quá cố vào 3 đêm theo đúng thứ tự: Đêm đầu tiên, gia đình tang gia đọc kinh nguyện Lời Chúa trích từ “Tin Mừng Chúa Giê-su Ki tô” theo Thánh Gioan, đêm thứ hai kinh nguyện trích “Lời Chúa” theo Thánh Luca, đêm thứ ba trích “Lời Chúa” theo Thánh Mat-thêu. Trong 3 đêm này, các hội đoàn, đồng đạo đều đến dâng lời cầu nguyện, sẻ chia với tang quyến.

+ Nghi thức viếng đất thánh lễ các linh hồn

Sau khi người quá cố đã an nghỉ trong phần mộ được ba ngày, linh mục sẽ thực hiện nghi thức viếng đất thánh, lễ linh hồn để cầu nguyện cho tín hữu đã qua đời trong niềm tin “Trông đợi kẻ chết sống lại và sự sống đời sau”, trích đọc “Lời Chúa” trong thư Thánh Phaolô tông đồ gửi tín hữu của Roma. Sau lời nguyện và dẫn lời Chúa, linh mục thực hiện nghi thức Thánh hóa phần mộ: “*Giờ đây chúng ta hãy cầu xin Chúa Ki tô thánh hóa phần mộ của các tín hữu Chúa... Amen*” (Nhiều tác giả, 2015, tr. 99-100).

Có thể nói, các gia đình Công giáo ở Trà Cỏ đều ý thức những giá trị của các nghi thức diễn ra trong suốt Thánh lễ an táng đối với người quá cố, vì thế mỗi một nghi thức đều chuẩn bị kỹ lưỡng và được thực hiện trong không khí trang trọng. Sau khi kết thúc việc tang ma, người Việt không Công giáo còn cúng cơm trong thất tuần, tổ chức lễ “cát mâm” vào dịp 49 ngày, một số nơi làm cả hai lễ là lễ 49 ngày và 100 ngày như ở làng Xuân Tảo, xã Xuân Định,

huyện Từ Liêm, Hà Nội (Lê Cẩm Ly, 2003, tr. 57-62). Vào ngày giỗ hàng năm, con cháu đều tổ chức cúng giỗ người quá cố. Với người Công giáo Trà Cổ, những dịp kỷ niệm người thân qua đời, con cháu dành ra một số tiền để xin lễ giỗ tại Nhà thờ, cùng nhau tham dự Thánh lễ để cầu nguyện cho người quá cố trước khi về ăn cỗ tại gia đình. Tại Trà Cổ, người thân quyền trong gia đình thường xin lễ ngay sau ngày an táng gọi là lễ giỗ tuần ba tuần bảy, nghĩa là 3 ngày và 7 ngày sau khi an táng. Trong ngày giỗ, con cháu cùng nhau tham dự Thánh lễ tại nhà thờ, rồi về gia đình cùng ăn bữa cơm giỗ để tưởng nhớ người quá cố. Vào buổi tối, họ cùng tổ chức đọc buổi kinh giỗ tại gia. Với người Công giáo Trà Cổ, đây là việc nhằm cảm tạ Chúa đã cho các bậc tổ tiên được hưởng Tôn Nhan Chúa, vừa để xin Chúa ban cho các linh hồn trong luyện ngục sớm được sạch tội. Đối với người mới qua đời, người thân thường xuyên xin lễ cầu nguyện, bởi họ tin rằng Thiên Chúa nhân từ và quyền năng có thể cứu vớt được linh hồn người quá cố khỏi sự đau khổ.

Nghi thức tang của người Công giáo Trà Cổ được thực hiện theo thể thức quy định của giáo luật Công giáo. Người Việt Công giáo Trà Cổ thực hiện các nghi thức một cách trang trọng, vì thế tang lễ của người Công giáo nơi đây thu hút sự tham gia không chỉ của làng xóm, thân quyến mà còn có sự tham gia, tương trợ của cả cộng đồng giáo xứ. Các hội đoàn thay phiên cầu nguyện trong nghi lễ Canh Thức vào đêm trước khi đưa đi an táng để cầu nguyện cho người quá cố, sẻ chia với tang quyến. Đội trống, kèn đồng và các hội đoàn (như hội Têresa, ca đoàn,...) đều tham gia vào các nghi lễ như cầu nguyện, dâng lễ tại nhà thờ, đưa tiễn và chôn cất người quá cố, đọc kinh cầu nguyện sau an táng,... Tất cả những hoạt động của cộng đoàn tín hữu thể hiện trách nhiệm, sự tương trợ của cộng đồng mỗi khi gia đình đồng đạo có việc tang.

Kết luận

Qua nghi thức tang của người Công giáo Trà Cổ cho thấy, có nhiều điểm khác nhau cả về quan niệm và nghi thức so với lễ tang của người Việt không Công giáo vùng đồng bằng Bắc Bộ. Đó là những khác biệt về nơi trú ngụ của linh hồn sau khi chấm dứt sự sống ở trần gian. Sự khác biệt cơ bản trong tang lễ tại gia đình và thánh lễ an táng tại nhà thờ cũng thể hiện nét văn hóa riêng của người Công giáo so với người không Công giáo. Sau Công đồng Vatican II (1962 - 1965), với tinh thần “canh tân, hội nhập”, các nghi lễ tang ma ở nhiều xứ đạo đã có sự hội nhập như việc sử dụng các nhạc cụ truyền thống gồm trống cái, kèn đồng, chiêng..., trong nghi lễ an táng để đưa rước thi hài tới nhà thờ dự thánh lễ an táng và ra nghĩa địa an táng. Sau tang lễ, người Công giáo chủ yếu đọc kinh cầu nguyện và xin lễ tại nhà thờ cho người quá cố. Vào ngày 2/11 hàng năm là tháng cầu cho các linh hồn, ngày mùng 2 Tết Nguyên đán và ngày giỗ, người Công giáo đều dâng lễ cầu nguyện cho những người đã khuất. Người không theo đạo thì cúng cơm người chết đến 49 ngày, tổ chức cúng giỗ hàng năm. Đây là những khác biệt với người không Công giáo. Còn nghi lễ tang ma của người Công giáo được giáo luật quy định cụ thể nên nó cũng trở thành nét văn hóa riêng của người Công giáo.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Thị Cúc (2013), “Một số biến đổi trong tang lễ hiện nay của người Việt Bắc Bộ là tín đồ Công giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7, tr. 43-53.
2. Nguyễn Hồng Dương (2001), *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Giáo luật (1983), Nxb. Trái tim Đức Mẹ.
4. Lê Đức Hạnh (2012), *Hôn nhân và nếp sống đạo trong gia đình người Việt Công giáo (Tiếp cận Nhân học qua nghiên cứu giáo họ Nỗ Lực, tỉnh Phú Thọ)*, Nxb. Văn hóa - Thông tin & Viện Văn hóa, Hà Nội.
5. Nguyễn Duy Hình (2000), *Tôn giáo học so sánh*, Chuyên đề giảng dạy Cao học, Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
6. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2016), *Sách Giáo lý của Hội thánh Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. Nguyễn Quang Hưng (2004), “Vài nét về cuộc di cư của giáo dân Bắc Kỳ sau Hiệp định Giơnevơ 1954”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6, tr. 23-29.
8. *Kinh Thánh, Cựu ước và Tân ước* (2003), Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
9. Lê Cẩm Ly (2003), “Về nghi thức tang ma của người Việt ở làng Xuân Tảo, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 6, tr. 57-62.
10. Nhiều tác giả (2015), *Giờ Chúa gọi nghi thức viếng xác và cầu hồn*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
11. Nguyễn Phan Quang (1976), *Lịch sử Việt Nam*, Quyển 2, Tập 2 (1427 - 1858), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
12. Nguyễn Như Thế, Nguyễn Hữu Triết, Hồ Văn Xuân (1992), *Thần học giáo dân, Tập 1, Niềm tin*, Ủy ban Đoàn kết Công giáo, Thành phố Hồ Chí Minh.
13. Cửa sổ Đông Hưng (2022), *Thôn Trúc Sơn, thành phố Đông Hưng, Quảng Tây: làng chài tươi đẹp vùng biên giới Trung Quốc - Việt Nam*, trên trang <http://zw.dongxingnet.com/index.php>, ngày đăng tải 9/12/2022 (Truy cập ngày 22/12/2023).
14. Đoàn Văn Thông (1994), *Những bí ẩn sau cõi chết*, Nxb. Nguồn sống, Hà Nội.
15. Nguyễn Thị Trang (2019), *Nghi thức tang lễ của người Việt theo Công giáo (Nghiên cứu tại giáo xứ Thái Hà, Hà Nội)*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
16. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2008), *Kết quả điều tra xã hội học tôn giáo năm 1995 - 2008*, Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo.